



UBND PHƯỜNG NAM ĐỒNG

BIỂU SỐ 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 652 /BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	131.980.000.000	167.782.000.000	74.769.498.194	135.196.347.831	56,7	80,6
I	Các khoản thu 100%	1.590.000.000	1.062.000.000	6.023.232.476	1.043.921.853	378,8	98,3
1	Phí, lệ phí	110.000.000	110.000.000	11.865.000	135.219.000	10,8	122,9
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	820.000.000	820.000.000		147.955.121	0,0	18,0
3	Thu phạt			364.701.562	704.328.088		
4	Thu khác	660.000.000	132.000.000	5.646.665.914	56.419.644	855,6	42,7
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	130.390.000.000	52.781.000.000	68.746.265.718	22.956.411.839	52,7	43,5
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			1.058.465.259			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			6.527.279.511			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.500.000.000	5.670.000.000	15.784.000.479	8.523.360.553	150,3	150,3
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.470.000.000	1.470.000.000	111.250.067	111.250.067	7,6	7,6
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.760.000.000	3.514.000.000	4.321.934.571	2.514.977.706	75,0	71,6
4	Thuế thu nhập cá nhân			3.852.265.560	(8.170.750)		
6	Thu tiền sử dụng đất	93.815.000.000	33.017.000.000	35.169.036.100	11.758.899.220	37,5	35,6
7	Thuế nhập doanh nghiệp	11.230.000.000	6.064.000.000			0,0	0,0
8	Thu tiền thuê đất	7.615.000.000	3.046.000.000	1.881.377.438	56.095.043	24,7	1,8
9	Thu hồi các khoản chi năm trước			40.656.733			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				25.168.439.267		

STT	NỘI DUNG	Dự toán		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
V	Thu kết dư năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		113.939.000.000		86.027.574.872		75,5
1	Thu bổ sung cân đối		112.859.000.000		56.000.000.000		49,6
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.080.000.000		30.027.574.872		2780,3